

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2021/DS-PT

Ngày: 04/6/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Từ Thị Kỳ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 133/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Phạm Văn T1 và Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Vào ngày 25/10/2018 (nhằm ngày 17/9/2018 âm lịch) bà có cho vợ chồng ông T1, bà L vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời gian trả là 20 ngày. Sau khi vay đến ngày trả ông T1, bà L xin gia hạn thêm 02 tháng

và chịu lãi phụ bà nhưng đến thời hạn trả ông T1, bà L lại tiếp tục không thực hiện và hện lần, hện lựa kéo dài đến hôm nay. Nay bà yêu cầu ông T1, bà L cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền vốn là 200.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 25/12/2018 đến ngày tòa án 25/12/2020 bà chỉ yêu cầu tính lãi tròn 24 tháng. Yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ chứng minh: 01 tờ giấy viết tay có nội dung vay số tiền 200.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 cùng trình bày: Ông, bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời gian vay là 02 tháng. Sau khi vay 02 tháng, ông bà không có tiền trả vốn nên xin trả lãi cho đến khi có tiền trả vốn, ông bà đóng tiền lãi là 170.000.000 đồng đến tháng 02/2020 thì ngưng không trả lãi nữa. Tiền vốn ông bà đã trả được 90.000.000 đồng. Việc trả lãi và vốn không có làm biên nhận. Nay ông bà xác định còn nợ bà T số tiền vốn là 110.000.000 đồng và đồng ý trả nhưng xin trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Người làm chứng chị Đoàn Thị C trình bày: Vào ngày 17/9/2018 chị có nhờ bà L đứng tên vay dùm số tiền 200.000.000 đồng của bà T để cho chị làm ăn kinh doanh với mức lãi suất là 5%/tháng, sau khi vay chị đã gửi tiền cho bà L trả lãi cho bà T từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 02 năm 2020 với số tiền lãi đã trả là 170.000.000 đồng, do điều kiện kinh doanh khó khăn không có khả năng trả lãi nữa nên bà T yêu cầu lấy lại vốn, còn việc bà L trả vốn như thế nào thì chị không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các điều 26, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Văn T1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền vay vốn và lãi còn nợ tổng cộng là 248.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Văn T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Văn T1 phải chịu 12.400.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/02/2021, bị đơn Phạm Văn T1 và Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T và sẽ trình bày chi tiết lý do kháng cáo tại tòa án cấp phúc thẩm. Ngày 25/3/2021, bị đơn Phạm Văn T1 và Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả 170.000.000 đồng theo lãi suất vượt mức quy định và số tiền vốn đã trả 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Quá trình tố tụng, các đương sự thống nhất ngày 25/10/2018 (nhằm ngày 17/9/2018 Âm lịch) bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 thỏa thuận vay của bà Lê Thị T số tiền 200.000.000 đồng, có lập giấy viết tay cùng ngày, thỏa thuận miệng thời hạn vay 02 tháng, nhưng hai bên không thống nhất lãi suất vay, số tiền gốc và lãi đã trả. Theo bà Lê Thị T, thỏa thuận vay không có lãi, bên vay không trả cho bà tiền vay khi đến hạn, cũng như tiền nợ gốc và lãi khi đến hạn nhưng không trả; phía bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 cho rằng vay có lãi với mức lãi suất 5%/tháng, ông bà có trả cho bà Lê Thị T số tiền lãi đến tháng 02/2020 là 170.000.000 đồng từ nguồn tiền do Đoàn Thị Gửi trả và trả tiền nợ gốc 90.000.000 đồng bằng hình thức nhờ bà Trần Thị Phương N lấy số

tiền hốt hụi chuyển trả số tiền 50.000.000 đồng, ông bà trực tiếp trả số tiền 40.000.000 đồng.

Theo bà Đoàn Thị C trình bày, bà có nhờ bà Nguyễn Thị L đứng tên vay dùm số tiền 200.000.000 đồng của bà Lê Thị T để bà làm ăn kinh doanh với mức lãi suất là 5%/tháng, sau khi vay bà đã gửi tiền cho bà Nguyễn Thị L trả lãi cho bà Lê Thị T từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2020 với số tiền là 170.000.000 đồng, còn việc bà Nguyễn Thị L trả nợ cho bà Lê Thị T như thế nào thì bà không biết.

Tại bản khai ngày 31/5/2021, bà Trần Thị Phương N trình bày, bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 được hốt hụi trong dây hụi do bà làm chủ đầu thảo, nên có nhờ bà lấy số tiền hốt hụi đó chuyển trả nợ cho bà Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng, nhưng do khi đã giao được 35.000.000 đồng thì bà Lê Thị T không chịu viết biên nhận nên bà còn giữ lại 15.000.000 đồng.

Xét thấy, quá trình tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm, lời trình bày của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 về việc trả tiền lãi 170.000.000 đồng và tiền nợ gốc 90.000.000 đồng không được bà Lê Thị T thừa nhận, nhưng không chứng minh được lời trình bày của mình là sự thật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là có căn cứ pháp luật. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, tuy bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 có yêu cầu thu thập chứng cứ lấy lời khai của bà Trần Thị Phương N về việc chuyển trả nợ cho bà Lê Thị T và được Tòa án cấp phúc thẩm lấy lời khai ngày 31/5/2021, nhưng lời khai này cũng không được bà Lê Thị T thừa nhận, nên không có ý nghĩa nhằm phản bác nội dung bản án sơ thẩm. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 về số tiền nợ gốc và lãi đã trả là không có căn cứ để chấp nhận.

Về lãi suất: Hai bên đương sự thống nhất với nhau về thời hạn vay là 02 tháng, nhưng không thống nhất mức lãi suất, bà Lê Thị T thừa nhận vay không có lãi, ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị L khai nhận vay có lãi với mức lãi suất 5%/tháng nhưng không chứng minh được lời trình bày của mình là đúng để phản bác lời trình bày của bà Lê Thị T. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, lời thừa nhận của bà Lê Thị T là có cơ sở chấp nhận. Bà Lê Thị T thừa nhận vay không có lãi và yêu cầu trả lãi từ ngày đến hạn nhưng không trả là ngày 25/12/2018 đến ngày 25/12/2020, nên trong trường hợp này phải căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự để xác định mức lãi suất 10%/năm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự để chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà Lê Thị T với mức lãi suất 1%/tháng (tương ứng 12%/năm) là chưa chính xác. Tuy vậy, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị T yêu cầu ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị L trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1, để xác định lại số tiền lãi

phải trả theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể như sau: $200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm} = 40.000.000 \text{ đồng}$.

Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật là không đúng quy định tại khoản 1 Phần III của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính.

Như phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần thiết phải sửa một phần bản án sơ thẩm về mức lãi suất để xác định lại số tiền lãi phải trả theo đúng quy định của pháp luật, về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền để đảm bảo quyền thi hành án về tài sản của người được thi hành án.

[3]. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, xác định lại án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 phải chịu như sau: $240.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ khi bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 phải liên đới chịu 12.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn T1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0018467 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G , tỉnh Tiền Giang.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy